

Bản án số: 128/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 12 năm 2025

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 23/02/1985; CCCD: 001085016738, do Bộ công an cấp ngày 19/02/2025.

**/ Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/02/1984; CCCD: 001184019684, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 24/7/2021.

Đều HKTT: thôn MH, xã UT, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn K là nguyên đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện UH (nay là xã UT), thành phố Hà Nội năm 2005. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, phong cách sống của hai vợ chồng cũng quá khác nhau; mặc dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng anh cũng sống ly thân đã được gần 1 năm, tuy vẫn sống chung một nhà nhưng không phát sinh quan hệ vợ chồng, việc ai người ấy làm, cơm ai người ấy ăn, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh không còn tình cảm gì với chị L nữa, anh không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh và chị L có 02 con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 02/3/2007 và Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/02/2012. Hiện nay cháu H đã khôn lớn, trưởng thành và khoẻ mạnh nên anh không có yêu cầu gì. Hiện nay, cháu Tr vẫn đang ở cùng nhà bố mẹ. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Thị Huyền Tr, nhưng anh tôn trọng ý kiến của cháu, nếu cháu có nguyện vọng ở với ai anh cũng nhất trí. Nếu cháu có nguyện vọng ở với anh thì anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không yêu cầu toà án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm nghề lái xe thuê, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng từ 10.000.000đồng. Nhưng anh không có chứng từ chứng minh thu nhập để nộp cho Toà án. Anh làm việc giờ hành chính, sáng đi tối về nhà.

Chị L làm thợ may, làm thuê cho gia đình tư nhân ở thôn Hoa Đường, xã UT, thu nhập bao nhiêu anh không biết, chị L đi làm giờ hành chính, sáng đi tối về.

Anh đã nói chuyện với chị L nhiều lần về việc vợ chồng sống không hoà hợp được với nhau thì cùng lên toà án ly hôn nhưng chị L cương quyết không đi.

Anh cương quyết xin ly hôn nên Anh đề nghị Toà không tiến hành hoà giải giữa hai vợ chồng anh nữa, đề nghị Toà đưa vụ án ra xét xử. Anh xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của toà án, xin được vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt tôi. Anh từ chối nhận các văn bản tố tụng của toà án, anh chỉ cần toà án gửi cho anh bản án ly hôn. Anh cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì.

Theo biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị L là Bị đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện UH (nay là xã UT), thành phố Hà Nội năm 2005. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng

thẳng, nguyên nhân là do anh K có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, người phụ nữ đó làm cùng chỗ với anh K, chị được biết gần đây người phụ nữ đó đã bị cho nghỉ việc; từ khi có quan hệ với người phụ nữ khác anh K quay về ruồng rẫy vợ con, còn cố tình cho chị xem các bức ảnh anh K chụp ảnh với người phụ nữ khác; Vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài, nhưng chị đã chấp nhận buông bỏ, không quan tâm đến việc anh K đi với ai, làm gì nữa, việc đó không còn quan trọng với chị nên việc ly hôn hay không với chị không quan trọng; hiện nay anh chị ai có cuộc sống người ấy lo, không nói chuyện chia sẻ với nhau. Chị cũng đã kiên nhẫn và khuyên nhủ anh K rất nhiều nhưng bản tính trắng hoa của anh K không thay đổi. Nay anh K xin ly hôn, quan điểm chị không đồng ý ly hôn vì hiện con lớn của anh chị đã trưởng thành, sắp đến tuổi xây dựng gia đình; cháu thứ hai còn nhỏ nên chị muốn giữ cho các con có một gia đình trọn vẹn.

Về con chung: chị và anh K có 02 con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 02/3/2007 và Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/02/2012. Hiện nay cháu H đã khôn lớn, trưởng thành và khoẻ mạnh nên chị không có yêu cầu gì. Hiện nay, cháu Tr vẫn đang ở cùng nhà bố mẹ. Trường hợp toà giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Thị Huyền Tr, và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị số tiền 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án/quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật, đề nghị anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bằng phương thức chuyển khoản cho chị theo số tài khoản 0342920006, ngân hàng Quân Đội (MB), chủ tài khoản là chị – Nguyễn Thị L.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Hiện nay anh K đang làm nghề lái xe thuê, thu nhập bình quân hàng tháng bao nhiêu chị không biết; chị đang làm thuê ở xưởng may tư nhân gần nhà, thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000đồng/tháng (Bảy triệu đồng). Nhưng chị không có chứng từ chứng minh thu nhập để nộp cho Toà án. Chị làm việc giờ hành chính, sáng đi tối về nhà.

Chị biết anh K cương quyết xin ly hôn, chị cũng cương quyết giữ nguyên ý kiến của mình nên chị đề nghị Toà không tiến hành hoà giải giữa hai vợ chồng chị nữa, chị bận đi làm, xin nghỉ rất khó nên chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của toà án, xin được vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Chị từ chối nhận các văn bản tố tụng của toà

án, chị chỉ cần toà án gửi cho chị bản án ly hôn. Chị cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt, đều giữ nguyên quan điểm và đều không nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị không tiến hành hoà giải, đều xin vắng mặt. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh K được ly hôn với chị L; giao con chung Nguyễn Huyền Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị L số tiền 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án/quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật, phương thức chuyển khoản vào số tài khoản 0342920006, ngân hàng Quân Đội (MB), chủ tài khoản là chị – Nguyễn Thị L; cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghị khác; anh K nộp án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn K làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị L là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn MH, xã UT, TP. Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Anh K và chị L đều xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện UH (nay là xã UT) thành phố Hà Nội, ngày 26/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh K trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung; theo chị L trình bày là do anh K có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên về ruồng rẫy vợ con; anh K và chị L đều thừa nhận hai vợ chồng đã có thời gian sống ly thân tương đối dài, đến nay không ai quan tâm đến ai, tuy sống chung một nhà nhưng việc ai người đó làm, không nói chuyện, không chia sẻ với nhau. Anh K cương quyết xin được ly hôn; chị L ly hôn hay không ly hôn không còn quan trọng với chị nhưng chị muốn giữ cho các con có một gia đình trọng vẹn nên chị không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh K là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù chị L không đồng ý ly hôn nhưng là do chị đã buông bỏ, chấp nhận cuộc sống như vậy và để giữ cho các con có gia đình trọng vẹn chứ bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh K nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh K, xử cho anh K được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 02 con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 02/3/2007 và Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/02/2012. Hiện tại, con chung Nguyễn Việt H đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh, anh K và chị L đều không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này; con chung Nguyễn Thị Huyền Tr hiện đang ở cùng nhà với bố mẹ. Anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng tôn trọng ý kiến của con muốn ở với ai cũng được; chị L có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Thị Huyền Tr và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị L số tiền 2.000.000đồng/tháng.

HĐXX nhận thấy: cháu Tr từ bé đến nay vẫn sống chung cùng nhà với bố và mẹ, công việc của anh K và chị L đều là giờ hành chính, sáng đi tối về, đều có thu nhập, đều đủ điều kiện để nuôi con; anh K chị L đều có nguyện vọng được nuôi con chung, cháu Tr có nguyện vọng ở với ai cũng được nhưng cháu Tr là con gái,

hiện đang ở độ tuổi dậy thì, cần sự chỉ bảo, dạy dỗ, chăm sóc của người mẹ hơn; anh K có thu nhập bình quân mỗi tháng là 10.000.000đồng/tháng nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị L số tiền 2.000.000đồng/tháng là phù hợp với mức chi tiêu cho một đứa trẻ ở độ tuổi của cháu Tr tại thời điểm hiện tại, đối với địa phương nơi cháu Tr đang sinh sống, học tập.

Do đó, HĐXX giao con chung Nguyễn Thị Huyền Tr cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị L số tiền 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án/quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật, anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bằng phương thức chuyển khoản cho chị L theo số tài khoản 0342920006, ngân hàng Quân Đội (MB), chủ tài khoản là Nguyễn Thị L.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh K và chị L đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh K phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn K được ly hôn anh Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là: Nguyễn Việt H, sinh ngày 02/3/2007 và Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/02/2012. Hiện tại, con chung Nguyễn Việt H đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh, anh K và chị L đều không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Sau ly hôn, giao con chung Nguyễn Thị Huyền Tr cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị L số tiền 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào

ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án/quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật, anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bằng phương thức chuyển khoản cho chị L theo số tài khoản 0342920006, ngân hàng Quân Đội (MB), chủ tài khoản là Nguyễn Thị L; cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Sau ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017669 ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội; Anh K còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 - Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đơn vị;
- Luật sư; v/vp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiện

